

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được một cách khái quát những tri thức cốt lõi về cội nguồn, quan hệ họ hàng của tiếng Việt và quan hệ tiếp xúc giữa tiếng Việt với một số ngôn ngữ khác trong khu vực.

– Nhận thức rõ quá trình phát triển của tiếng Việt gắn bó với lịch sử phát triển của dân tộc, của đất nước.

– Ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiếng Việt – tiếng nói của dân tộc : “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Khái quát lịch sử tiếng Việt thuộc loại bài hình thành kiến thức mới, việc truyền đạt thiên về mặt diễn giải những tri thức thuộc lĩnh vực lịch sử và lí thuyết. Trong bài có những vấn đề lần đầu tiên HS được tiếp cận tìm hiểu một cách tập trung, như : nguồn gốc tiếng Việt, quan hệ họ hàng của tiếng Việt, quan hệ tiếp xúc giữa tiếng Việt với một số ngôn ngữ khác trong khu vực, lịch sử phát triển của tiếng Việt,... Tuy nhiên, cũng có những vấn đề HS đã được tìm hiểu ở mức độ nhất định từ những lớp dưới, như : từ Hán Việt ; sự phong phú, uyển chuyển của tiếng Việt,...

2. Trọng tâm bài học

Với HS lớp 10 bậc THPT, trọng tâm bài *Khái quát lịch sử tiếng Việt* nằm ở phần trình bày những bước phát triển của tiếng Việt qua các giai đoạn lịch sử (mục I trong SGK).

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Với cơ cấu nội dung của bài này, việc giảng dạy có thể được triển khai một cách thuận lợi trên cơ sở tận dụng những tri thức mà HS lớp 10 đã thu nhận được về từ Hán Việt và tiếng Việt ở THCS. Thậm chí, có thể tận dụng ngay từ ngữ trong những bài thuộc các môn học khác như Lịch sử, Địa lí và các môn khoa học tự nhiên để làm ví dụ minh họa. Để HS có thể tham gia tích cực vào tiết học, GV nên hướng dẫn, gợi ý HS tìm thêm nhiều ví dụ phù hợp.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Lần lượt theo các đề mục trong SGK, GV có thể yêu cầu một số HS đọc từng mục, tìm và nêu bật những tri thức chủ yếu của từng mục, nêu thêm ví dụ (ngoài những ví dụ đã có trong SGK) để minh họa. Sau đó, GV có thể bổ sung thêm và dựa vào *Mục tiêu bài học* để đưa ra những ý kiến nhận định, kết luận thích hợp.

Cụ thể là :

Mục I – Lịch sử phát triển của tiếng Việt

Mục này đề cập đến một số vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học lịch sử – so sánh đang được giới học thuật tiếp tục đi sâu nghiên cứu. Với HS lớp 10 THPT, mức độ yêu cầu phù hợp có lẽ chỉ là nhận thức được một cách tổng quát : tiếng Việt thuộc dòng Môn – Khmer, họ Nam Á, có quan hệ cội nguồn, quan hệ họ hàng với tiếng Mường, tiếng Khmer, tiếng Ba-na, tiếng Cơ-tu, và quan hệ tiếp xúc với tiếng Thái, tiếng Hán,... qua một số ví dụ cụ thể đã nêu trong SGK.

Có một điều cần nhấn mạnh ở đây là tuy trong tiếng Việt hiện đại (cũng như tiếng Việt trong các giai đoạn lịch sử trước) có rất nhiều từ gốc Hán nhưng tiếng Việt và tiếng Hán không có quan hệ cội nguồn cũng như quan hệ họ hàng. Từ Hán Việt chiếm một tỉ lệ khá lớn trong vốn từ tiếng Việt, một số phương thức ngữ pháp của tiếng Việt giống với tiếng Hán, nhưng những hiện tượng này chỉ là kết quả của sự tương đồng giữa hai ngôn ngữ về mặt loại hình (đều là ngôn ngữ đơn lập, âm tiết tính) và của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá – ngôn ngữ kéo dài hàng ngàn năm lịch sử.

GV yêu cầu HS đọc chậm từng mục, nêu tóm tắt ý chính nói lên sự phát triển của tiếng Việt về các mặt từ vựng, phương thức diễn đạt,... thích ứng với những bước phát triển của lịch sử dân tộc, của đời sống văn hoá xã hội và tinh thần thời đại. Cần khuyến khích và hướng dẫn HS tìm nhiều ví dụ cụ thể để minh họa. Như đã nói ở trên, những ví dụ này có thể tìm thấy ngay trong các văn bản văn học hoặc các bài học thuộc các môn học khác. (Ví dụ như : vốn từ ngữ ngày càng phong phú, tinh tế trong thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, trong các khúc ngâm và truyện Nôm ; từ ngữ và phương thức diễn đạt mới mẻ trong thơ mới, văn chương báo chí, tiểu thuyết, kịch nói, kí sự, phóng sự, chính luận,... ; trong cách đặt danh từ, thuật ngữ khoa học bằng cách phiên âm, chuyển dịch, sao phỏng,... ; trong cách trình bày, diễn đạt các nội dung thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ,...).

Để chốt lại các vấn đề, GV có thể hướng dẫn HS đi tới nhận định :

+ Tiếng Việt đã không ngừng phát triển qua các giai đoạn lịch sử, không ngừng vươn lên thực hiện đầy đủ các chức năng ngày càng rộng mở, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, ngày càng phong phú của đời sống xã hội ; trở thành ngôn ngữ quốc gia, giữ vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước.

+ Trong quá trình phát triển, tiếng Việt đã tiếp nhận và cải biến nhiều yếu tố ngôn ngữ từ bên ngoài đưa tới theo hướng chủ đạo là Việt hoá. Chính nhờ vậy mà tiếng Việt ngày càng trở nên phong phú, uyển chuyển, tinh tế, chuẩn xác. Để bảo vệ sự

trong sáng, tinh giàu đẹp của tiếng Việt, cần thực hiện một cách nghiêm túc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu trong *Mục tiêu bài học*, mà một trong những yêu cầu hàng đầu là cần hiểu đúng và dùng đúng từ ngữ Việt, chống thái độ tùy tiện trong việc nói và viết tiếng Việt, chống lạm dụng từ ngữ nước ngoài.

Mục II – Chữ viết của tiếng Việt

GV có thể nói qua cho HS thấy rằng tuy dựa vào chữ Hán, nhưng chữ Nôm đã đi xa hơn chữ Hán trên con đường xây dựng chữ viết, thể hiện rõ ở việc lấy “phương châm ghi âm” làm phương hướng chủ đạo. Vì không được chuẩn hoá cho nên chữ Nôm còn mang nhiều khiếm khuyết. Sự thay thế chữ Nôm bằng chữ quốc ngữ là một bước tiến vượt bậc trong lĩnh vực chữ viết của dân tộc. GV hướng dẫn HS tìm một số ví dụ để minh chứng cho những ưu điểm cơ bản của chữ quốc ngữ như : đơn giản, thuận tiện, dễ viết, dễ đọc, tuy nhiên cũng cần phải chú ý đầy đủ đến các quy tắc chính tả.

III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Để kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững bài học của HS, GV có thể yêu cầu HS đưa thêm ví dụ để minh hoạ cho những nhận định về nội dung mục I đã nêu ở trên.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Nên gợi ý cho HS : Tìm chọn ví dụ minh hoạ ngay trong các bài học về văn học (hoặc bài học thuộc các môn học khác) để phát huy khả năng tìm tòi, suy nghĩ và vận dụng tri thức đã thấu nhận được theo phương hướng liên môn nhằm nâng cao hiệu quả học tập. Đối với một số HS khá, có thể yêu cầu các em lập bảng phân loại những từ Hán Việt (đã tìm thêm làm ví dụ) theo các biện pháp vay mượn Việt hoá khác nhau.

Bài tập 2

GV có thể gợi ý cho HS : Cần thêm ví dụ minh hoạ khi nêu các cảm nhận.

Bài tập 3

Nên gợi ý cho HS : Trước tiên cần thống kê những thuật ngữ có trong một số bài học thuộc các bộ môn khoa học tự nhiên mà các em đã học, sau đó mới tìm các ví dụ phù hợp với ba cách thức đặt thuật ngữ khoa học đã nêu trong SGK. Như vậy, việc giải bài tập này sẽ dễ dàng hơn.

IV - TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Đồng, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, tạp chí *Văn học*, số 3, 1966.
2. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
3. Nguyễn Kim Thản, *Tiếng Việt của chúng ta*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1983.